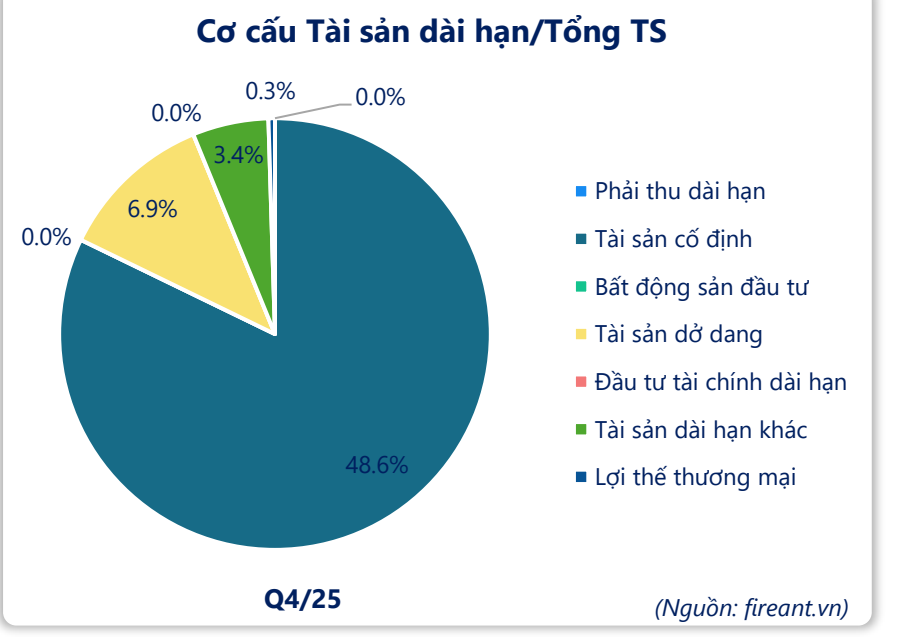
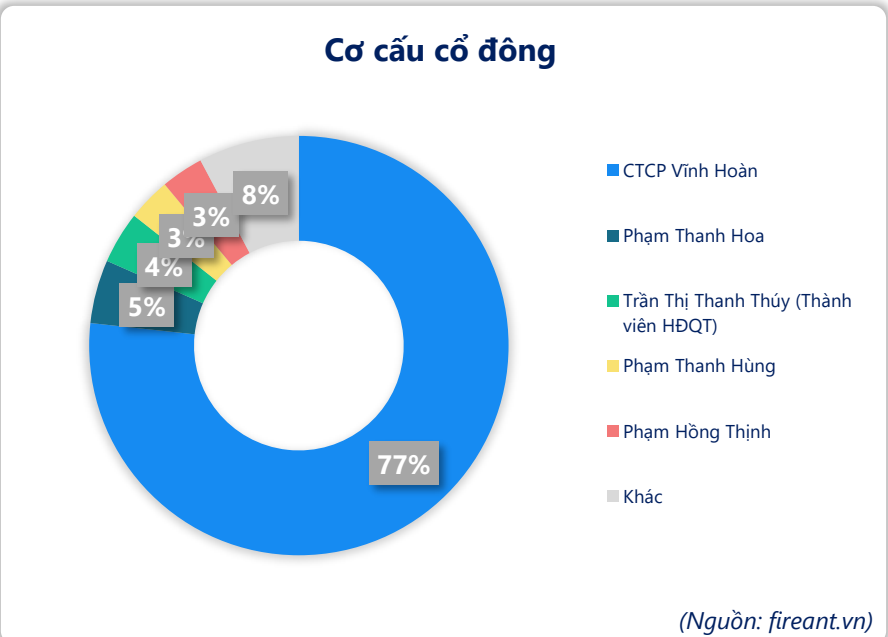
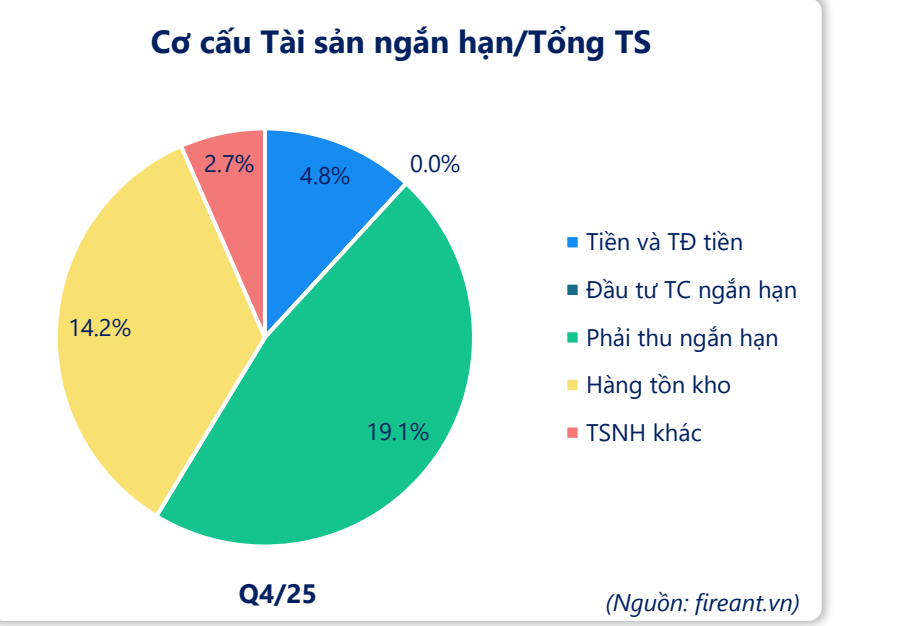
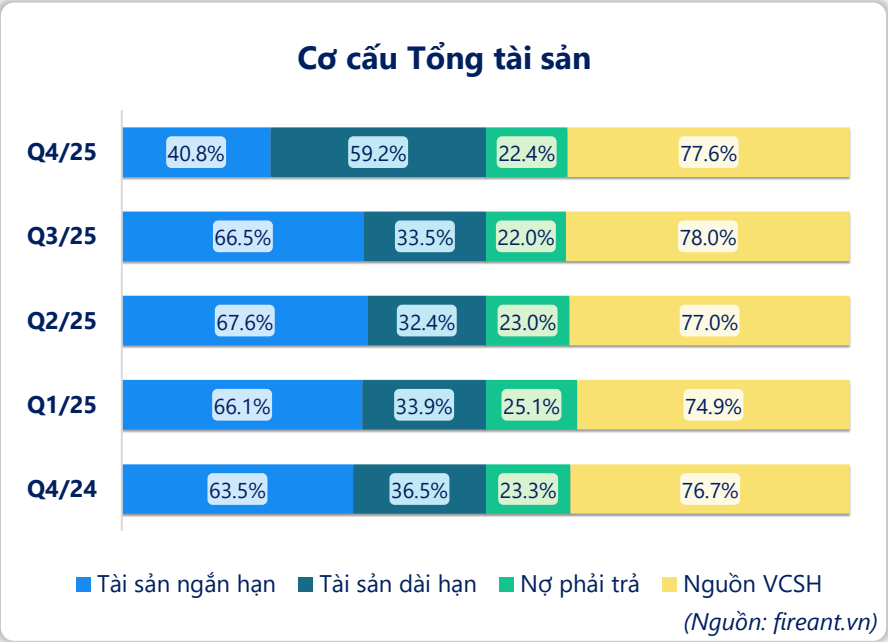
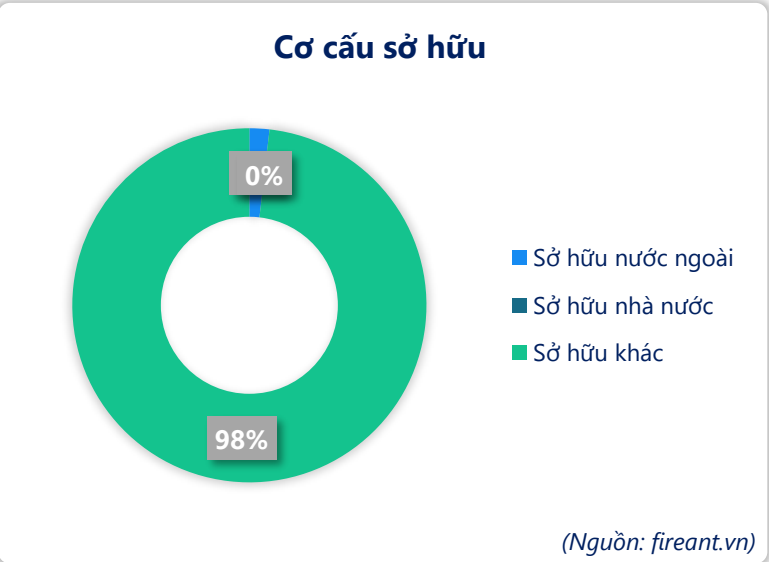
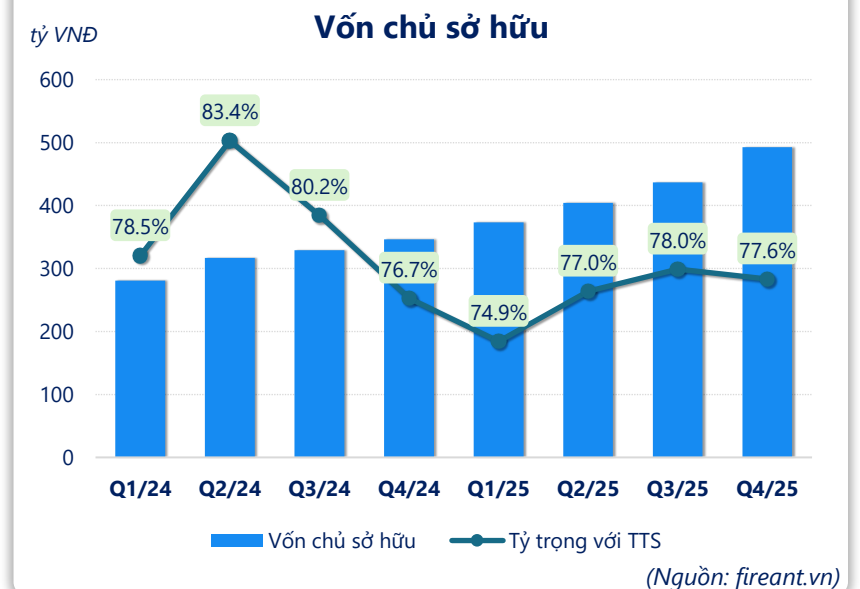
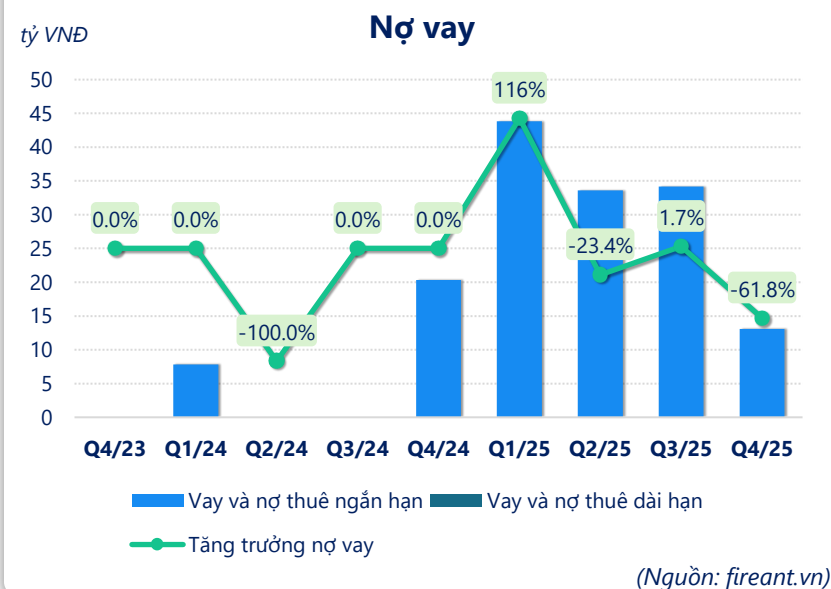
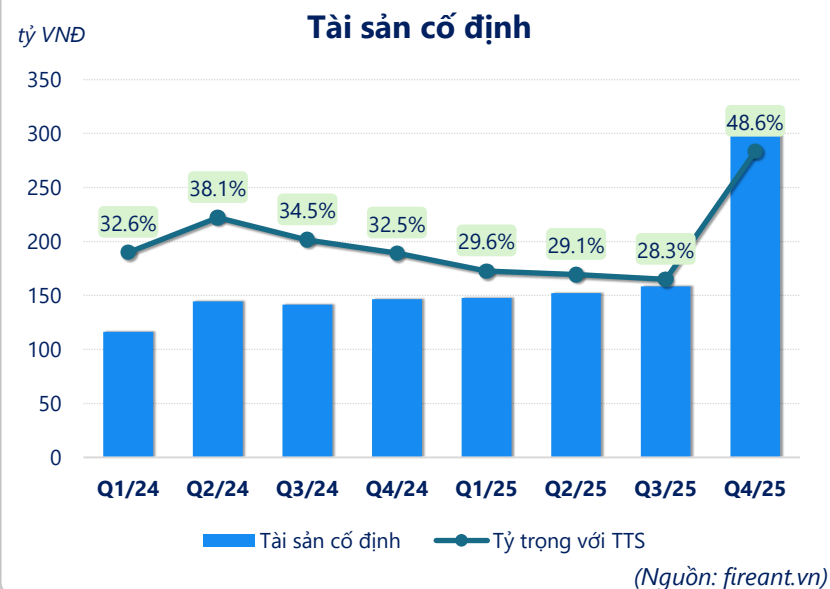
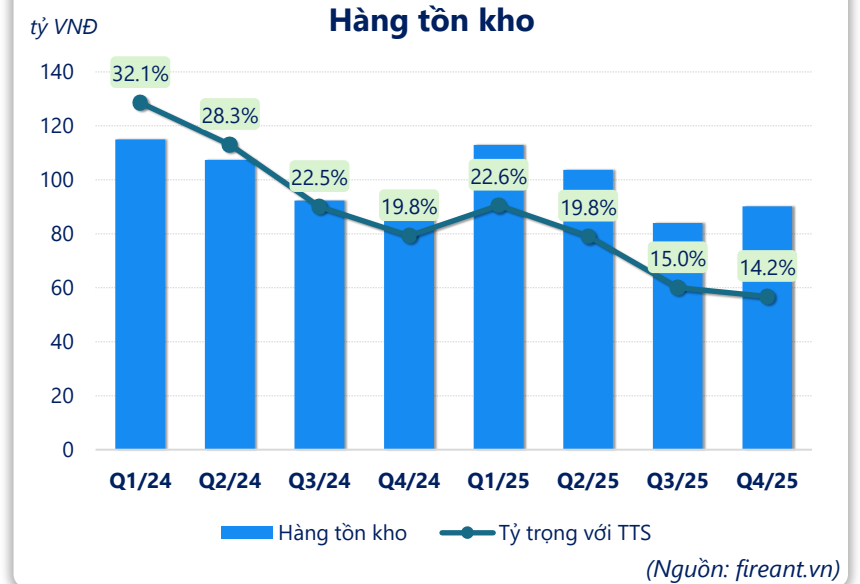
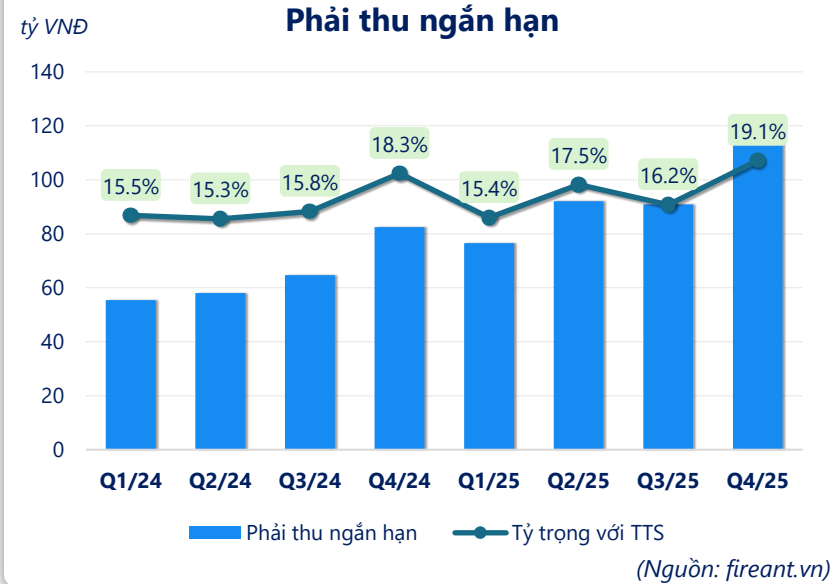
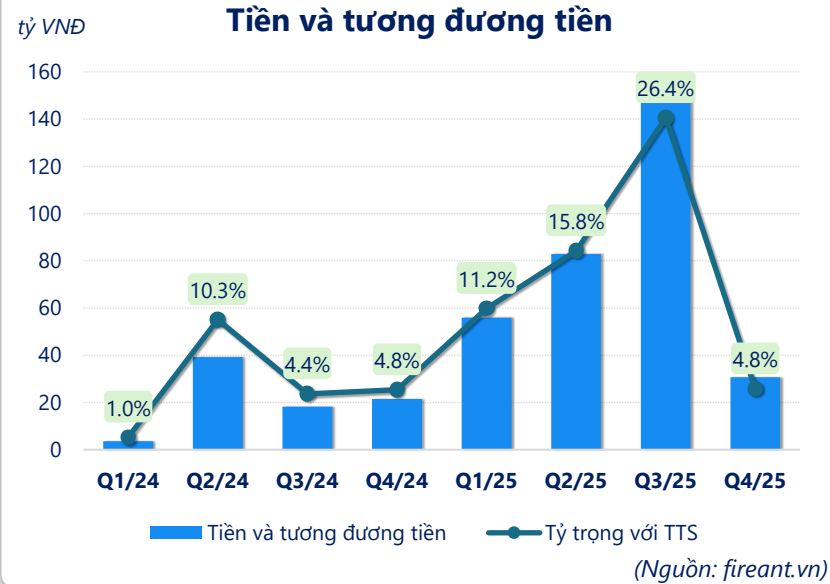
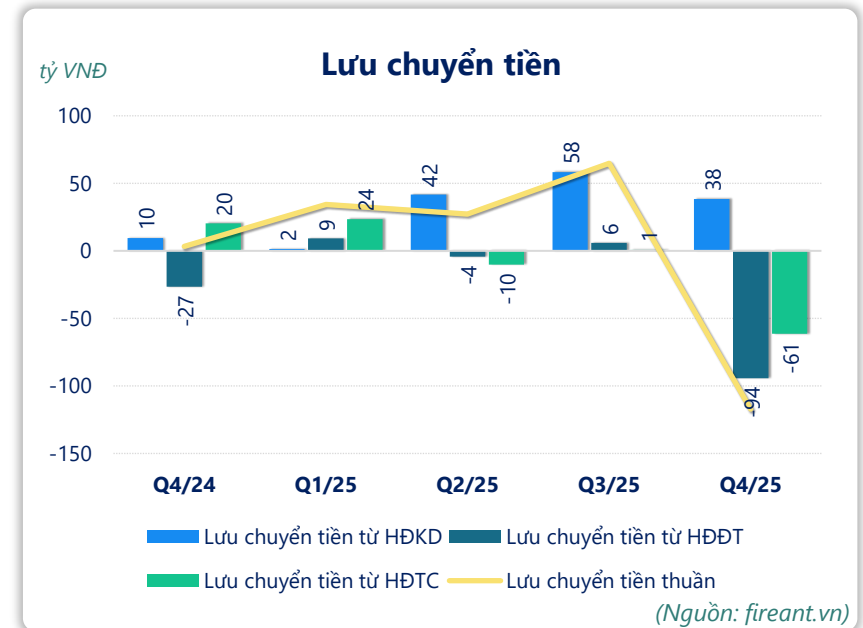
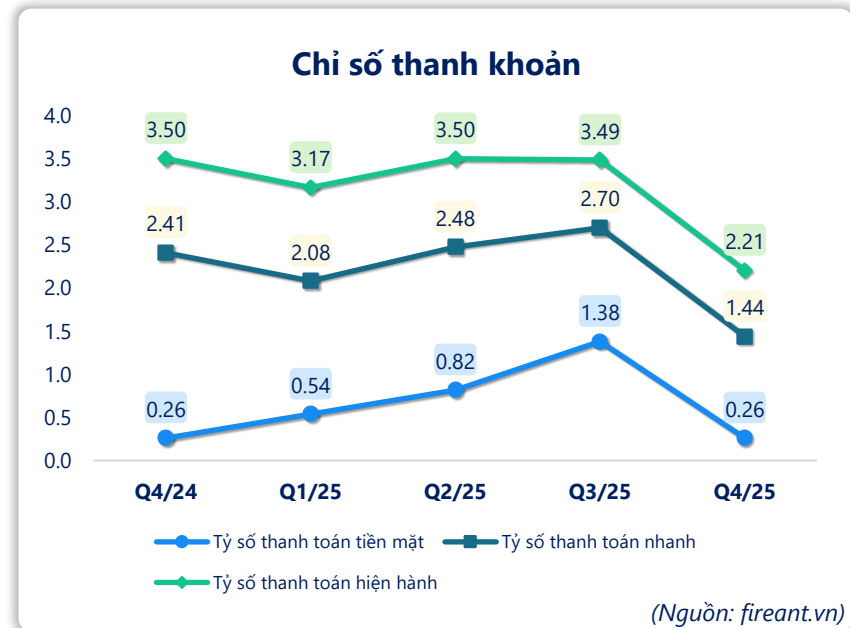
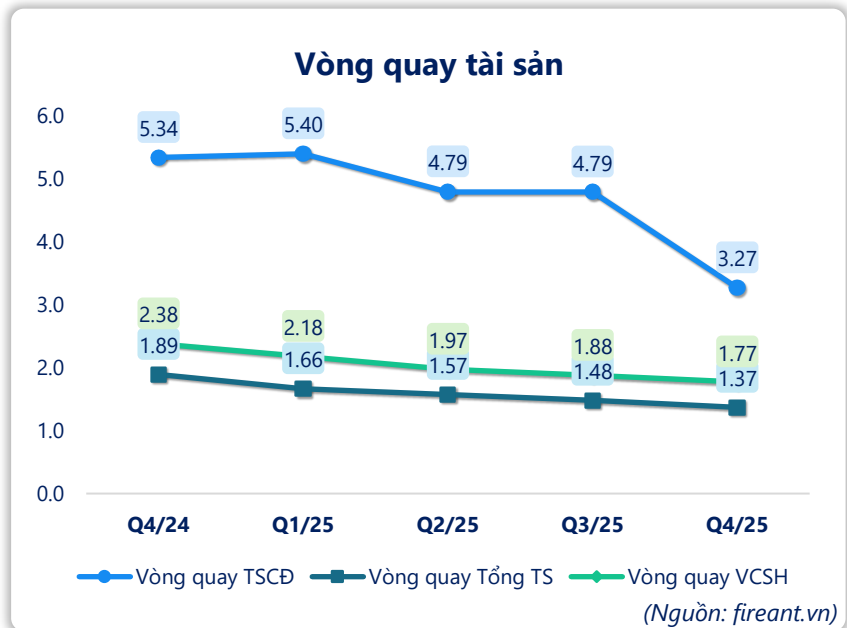
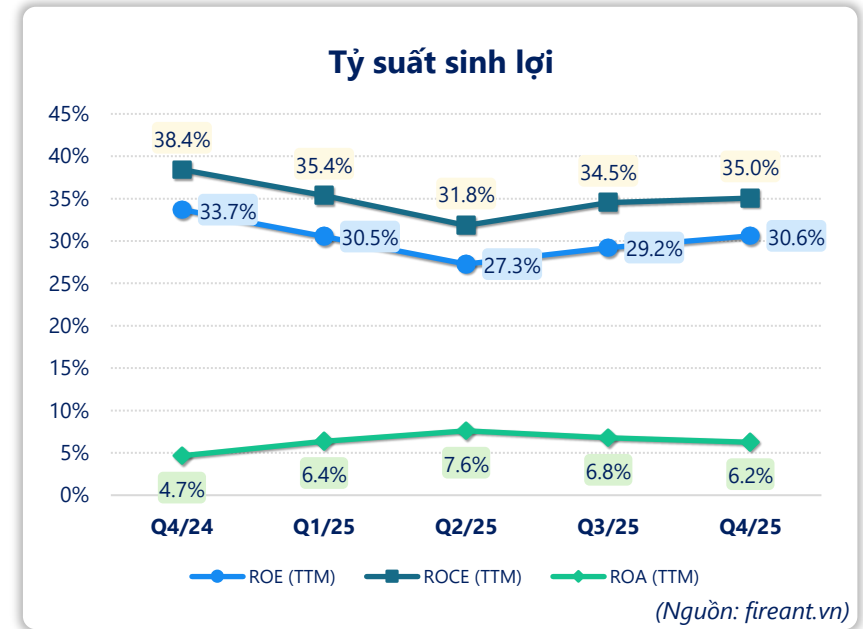
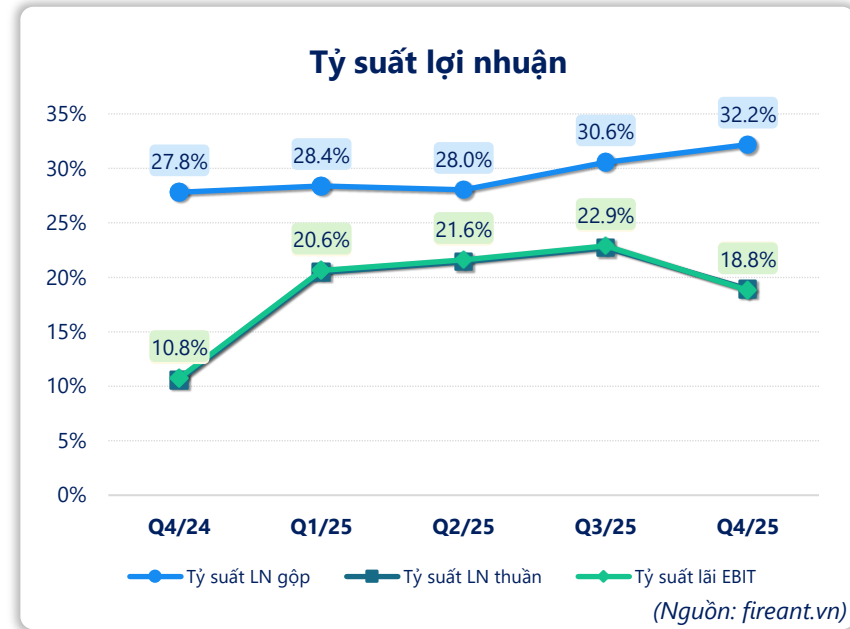
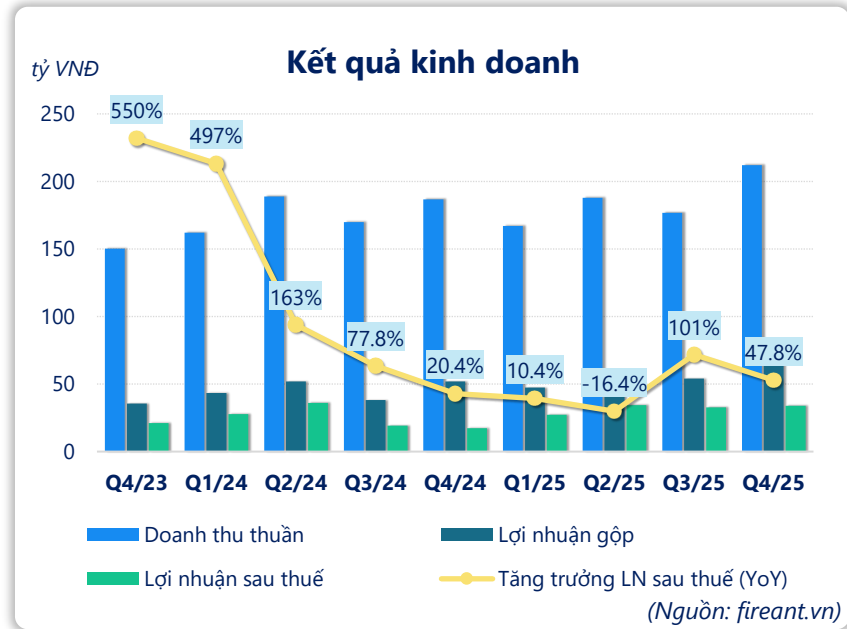


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		82,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		148,517
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		76,000
SL cổ phiếu LH		7,147,580
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,185
% sở hữu nước ngoài		1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		586
P/E		4.6
EPS		17,961

	YTD	1T	3T	6T
SGC	-30.2%	-3.0%	-21.2%	-22.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	635	450	41.0%
Tài sản ngắn hạn	259	286	-9.3%
Tiền và tương đương tiền	30.7	21.5	42.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	85.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	122	82.5	47.5%
Hàng tồn kho	90.2	88.7	1.7%
Tài sản ngắn hạn khác	17.0	8.37	104%
Tài sản dài hạn	376	165	128%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	309	146	111%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	43.7	3.97	1001%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	21.4	14.1	51.7%
Lợi thế thương mại	1.83	0	
Nợ phải trả	143	104	36.7%
Nợ ngắn hạn	118	79.0	48.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.1	20.3	-35.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.7	18.2	68.6%
Nợ dài hạn	24.9	25.3	-1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	493	346	42.3%
Vốn chủ sở hữu	493	346	42.3%
Vốn điều lệ	71.5	71.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	187	167	188	177	212
Giá vốn hàng bán	135	120	135	123	144
Lợi nhuận gộp	52.0	47.4	52.6	54.0	68.3
Doanh thu HĐTC	4.49	1.73	3.77	2.71	2.83
Chi phí TC	-0.05	0.48	0.60	0.42	0.53
Chi phí lãi vay	0.05	0.22	0.49	0.36	0.13
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.3	8.49	10.3	9.62	12.1
Chi phí QLDN	24.4	6.01	5.31	6.56	18.3
LN thuần từ HĐKD	19.7	34.2	40.2	40.2	40.1
Lợi nhuận khác	0.32	0.08	-0.16	-0.06	-0.35
LN trước thuế	20.1	34.2	40.1	40.1	39.8
Lợi nhuận sau thuế	17.4	27.3	34.4	32.8	33.9
LNST của CĐ cty mẹ	17.4	27.3	34.4	32.8	33.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.51	1.52	41.7	58.3	38.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-26.6	9.23	-4.36	5.91	-94.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.3	23.5	-10.2	0.59	-61.3
Tiền đầu kỳ	18.2	21.5	55.9	82.8	148
Lưu chuyển tiền thuần	3.21	34.3	27.1	64.8	-117
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0.18	-0.17	0.04	-0.06
Tiền cuối kỳ	21.5	55.9	82.8	148	30.7

(Nguồn: fireant.vn)